TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 92/2023/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 01 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 105/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, về việc ly hôn và nuôi con chung giữa:

1/ Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1996

HKTT: thôn T, xã A1, huyện K, tỉnh H.

Quê quán, trú tại: thôn H1, xã H1, huyện K, tỉnh H.

2/ Bị đơn: anh Nguyễn Tiến A, sinh năm: 1997

HKTT, trú tại: thôn T, xã A1, huyện K, tỉnh H.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Thị Quỳnh A2, sinh ngày 10/10/2016;

- Cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 30/6/2020

Người giám hộ cho cháu A2 và cháu H1: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Tiến A (bố, mẹ đẻ của hai cháu).

Cùng có HKTT: thôn T, xã A1, huyện K, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015*;*

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 24/5/2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/5/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Tiến A.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đ- ơng sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Tiến A1 cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A2, sinh ngày 10/10/2016 cho anh A, giao cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 30/6/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 24/5/2023 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, cả hai bên đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị N và anh A đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

2.4. Về công nợ: Chị N và anh A khẳng định vợ chồng anh chị không có công nợ chung.

2.5. Về án phí: Chị N tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0008227 ngày 17/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, chị N được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :
- *Các đ- ơng sự;*
- *TAND tỉnh H;*
- *VKSND huyện KC;*
- *THA huyện KC;*
- *UBND xã A1;*
- *L- u HSVA.*

ĐÀO DUY TR